

BIỂU MẪU 09

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG THCS THANH LIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
Năm học 2020 – 2021**

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh .	Hoàn thành chương trình TH	Hoàn thành chương trình lớp 6	Hoàn thành chương trình lớp 7	Hoàn thành chương trình lớp 8
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Chương trình giáo dục THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	- Liên hệ thường xuyên: Thông báo, giấy mời, Sổ liên lạc điện tử - Liên hệ định kỳ: Họa 3 lần/ năm. - Học tập nghiêm túc, tích cực.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.	- Hoạt động ngoài giờ lên lớp. - Sinh hoạt Đoàn, Đội. - Tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, về nguồn...			
V	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	- Sức khỏe: Tốt. - Hạnh kiểm: Tốt 95 %; Khá: 5 %; TB: 0%; Yếu: 0 % - Học lực: Giỏi: 30 %, Khá: 50 %, TB: 19,5 %, Yếu: 1,5 %, - Tỷ lệ học sinh giỏi về văn hoá : + Cấp Huyện: Từ 180 đến 215 em + Cấp Thành phố: Từ 04 đến 05 hs + Tỷ lệ tốt nghiệp THCS, đạt: 100%. + Thi vào lớp 10 THPT đạt 75%-80%.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.	Tiếp tục học lên lớp 7	Tiếp tục học lên lớp 8	Tiếp tục học lên lớp 9	Tiếp tục học lên lớp 10

Thanh Liệt, ngày 01 tháng 8 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Ngát

BIỂU MẪU 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG THCS THANH LIỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường
năm học 2019 - 2020**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số HS theo HK	1468	420	407	340	301
1	Tốt	1382 (94.1%)	384 (91,4%)	379 (93,1%)	324 (95,3%)	295 (98,0%)
2	Khá	86 (5.9%)	36 (8,6%)	28 (6.9%)	16 (4,7%)	6 (2,0%)
3	Trung bình	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
4	Yếu	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
II	Số HS theo HL	1468	420	407	340	301
1	Giỏi	407 (27,7%)	114 (27,1%)	121 (29,7%)	100 (29,4%)	72 (23,9%)
2	Khá	681 (46,4%)	217 (51,7%)	188 (46,2%)	144 (42,4%)	132 (43,9%)
3	Trung bình	336 (22,9%)	74 (17,6%)	81 (19,9%)	84 (24,7%)	97 (32,2%)
4	Yếu	44 (3%)	15 (3,6%)	17 (4,2%)	12 (3,5%)	0 0%
5	Kém	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
III	Tổng hợp KQCN	1468	420	407	340	301
1	Lên lớp	1228 (99,23%)	398 (96,6%)	338 (98,8%)	298 (96,8%)	291 (100%)
a	Học sinh giỏi	407 (27,7%)	114 (27,1%)	121 (29,7%)	100 (29,4%)	72 (23,9%)
b	Học sinh tiên tiến:	681 (46,4%)	217 (51,7%)	188 (46,2%)	144 (42,4%)	132 (43,9%)
2	Thi lại	44 (3%)	15 (3,6%)	17 (4,2%)	12 (3,5%)	0 0%
3	Lưu ban	19 (1,3)	8 (1,9)	8 (2%)	3 (0,9)	0 0%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
4	Chuyển trường đến	42	8	21	11	2
	Chuyển trường đi	36	7	16	11	2
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0	0
IV	Số HS đạt giải các kỳ thi HSG	237	59	73	43	62
1	Cấp huyện	225	59	73	43	50
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	12
3	Quốc gia, quốc tế	0	0	0	0	
V	Số HS dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	301				301
VI	Số HS được công nhận tốt nghiệp	301 (100%)				301 (100%)
1	Giỏi	72 (23,9%)				72 (23,9%)
2	Khá	132 (43,9%)				132 (43,9%)
3	Trung bình	97 (32,2%)				97 (32,2%)
VII	Số HS thi đỗ vào THPT CL	241 (80,07%)				241 (80,07%)
VII I	Số HS thi đỗ vào THPT NCL	60 (19,93%)				60 (19,93%)
IX	Số học sinh nam	775	217	215	187	156
	Số học sinh nữ	696	205	193	153	145
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	2	1	0	1	0

Thanh Liệt, ngày 01 tháng 8 năm 2020



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Ngát

BIỂU MẪU 11

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG THCS THANH LIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS
năm học 2020-2021**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	39	Số m ² /HS
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	39	1.16
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	2	0.08
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	0.04
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	41	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.874	8.2
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.300	2.28
VI	Tổng diện tích các phòng	2412	1.7
1	Diện tích phòng học (m ²)	1911	1.19
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	0	0
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	3	0.04
4	Diện tích thư viện (m ²)	168	0.12
5	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	300	0.21
6	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	72	0.05
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	0.12
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	1	0.03
1.2	Khối lớp 7	1	0.03
1.3	Khối lớp 8	1	0.03
1.4	Khối lớp 9	1	0.03
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	04	0.03
2.1	Khối lớp 6	1	0.03
2.2	Khối lớp 7	1	0.03

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2.3	Khối lớp 8	1	0.03
2.4	Khối lớp 9	1	0.03
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	600	0.41
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	80	0.05

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	0.06
2	Cát xét	09	0.18
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	0.03
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	40	1.029
5	Bảng tương tác thông minh	01	0.03
6	Sách giáo khoa điện tử	01	0.03

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	70
XI	Nhà ăn	230

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho HS bán trú	1/300	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho HS		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8		26		0.22
2	Chưa đạt chuẩn VS*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Thanh Liệt, ngày 01 tháng 8 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Ngát

BIỂU MẪU 12

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**UBND HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG THCS THANH LIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
năm học 2020 - 2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	IV	III	II	I	Tốt	Khá	TB	Kém
	Tổng số CB, GV, NV	74	0	2	53	13	2	4	2	53	10	2	36	24	0	0
I	Giáo viên	62	0	2	47	13	0	0	1	51	9	1	33	24	0	0
	Trong đó số GV dạy môn:															
1	Toán	12		1	8	3				9	3		7	4		
2	Vật Lý	3		1	2					3			2	1		
3	Hóa học	3			3					3				3		
4	Sinh học	5			5					5			1	4		
5	Công nghệ	1				1				1				1		
6	GDTC	4			4					4			2	2		
7	Âm nhạc	2				2				2			2			
8	Mỹ Thuật	2			2					2				2		
9	Ngữ văn	12			8	4				9	2	1	10	1		
10	Lịch sử	4			4					4			2	2		
11	Địa lý	4			2	2				3	1		1	2		
12	GDCD	2			1	1				2				1		
13	Tiếng anh	7			7					4	3		5	1		
14	Tin học	1			1				1				1			
15	Tổng phụ trách															
II	Cán bộ quản lý	3	0	0	3	0	0	0	0	1	1	1	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1			1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1		1	2			
III	Nhân viên	9	0	0	3	0	2	4	1	1	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	1					1									
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ	0														
4	Nhân viên y tế	1					1		1							
5	Nhân viên thư viện	1			1					1						
6	Nhân viên TBTN	1			1											
7	NV HTGD N khuyết tật	0														
8	Nhân viên CNTT	0														
9	Nhân viên bảo vệ	4						4								
10	Nhân viên phục vụ	0														

Thanh Liệt, ngày 01 tháng 08 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
THANH LIỆT

Phạm Văn Ngát